

Bản án số: 83/2024/LĐ-ST
Ngày 11 - 7 - 2024
V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động; điều
chỉnh sổ bảo hiểm xã hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin,
- Bà Nguyễn Thị Rạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khang - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 163/2023/TLST - LĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST - LĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-LĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Neàng Sóc C, sinh năm 1985. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV W. (Vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: B.

Địa chỉ trụ sở: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Neàng Đ, sinh năm 1999. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện T, tỉnh An Giang

3.2 Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số H, Tuyến T Quốc lộ A, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà N Sóc Chanh trình bày:

Từ tháng 03/2015 đến tháng 07/2015, bà vào làm công nhân tại Công ty cổ phần D. Trong quá trình làm bà có tham gia bảo hiểm với số sổ bảo hiểm 8015002750. Bà liên hệ Bảo hiểm xã hội huyện D để lãnh Bảo hiểm xã hội 01 lần thì Bảo hiểm xã hội huyện D thông báo bà bị trùng 02 sổ bảo hiểm xã hội trùng thời gian đóng bảo hiểm.

Do không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Neàng D chưa đủ tuổi có thể đi làm để lo cho gia đình nên bà cho bà D mượn giấy CMND để bà D đi làm tại Công ty TNHH MTV W trong thời gian từ tháng 03/2015 đến tháng 07/2015. Trong quá trình làm việc tại Công ty TNHH MTV W, bà D có tham gia bảo hiểm với số sổ 8015005499 mang tên bà là Neàng Sóc C.

Việc bà cho bà D mượn CMND là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH MTV W không phải bản thân bà. Hiện nay, đang tồn tại hai sổ sổ bảo hiểm là 8015005499 và 8015002750 cùng mang tên bà là bà Neàng Sóc C, nhưng thực chất sổ sổ 8015005499 do bà D thực hiện nên bà không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm số sổ bảo hiểm: 8015002750 được. Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Neàng Sóc C (do bà Neàng D thực hiện) với Công ty TNHH MTV W từ tháng 03/2015 đến tháng 07/2015;

2/ Hủy sổ bảo hiểm xã hội số 8015005499 và xử lý hậu quả của việc vô hiệu hợp đồng lao động theo quy định.

Bị đơn Công ty TNHH MTV W vắng mặt không có văn bản trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Neàng D trình bày tại bản tự khai ngày 18/5/2024: Năm 2015 bà có mượn bà N Sóc Chanh chứng minh nhân dân để đi làm tại Công ty TNHH MTV W. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Neàng Sóc C thì bà đồng ý. Ngoài ra bà không còn ý kiến gì, đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ vụ án làm căn cứ giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày tại công văn số 1018/BHXH-PQLT-ST về việc cung cấp thông tin, tài liệu và cử người tham gia tố tụng ngày 13/5/2024: Căn cứ hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và dữ liệu chi trả chính sách BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD, BNN), BHXH tỉnh L1 cung cấp các thông tin về thời gian đóng BHXH, BHTN của bà N1 Sóc Chanh từ tháng 03/2015 đến tháng 07/2015 trên số sổ 8015005499 tại Công ty TNHH một thành viên W địa chỉ B, xã D, huyện D, tỉnh L (kèm theo phụ lục bản ghi quá trình đóng BHXH, BHTN). Qua tra cứu dữ liệu chi trả chính sách BHXH, BHTN tại BHXH tỉnh L1 đến ngày 03/5/2024 bà C chưa hưởng chế độ BHXH 1 lần và chưa hưởng BHTN với thời gian đóng nêu

trên. Giai đoạn từ tháng 03/2015 đến tháng 7/2015 tổng số tiền Công ty TNHH một thành viên W đã đóng cho người lao động là 3.140.000 đồng. Đối với trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký Hợp đồng lao động, Hợp đồng làm việc và tham gia BHXH, BHYT và BHTN và BHYT, thực hiện Công văn số 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L2 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động; căn cứ vào bản án đã có hiệu lực của Tòa án, BHXH tỉnh L1 thực hiện theo nội dung Thông báo số 357/TB-TA ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân tỉnh Long An (văn bản đính kèm).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N Sóc Chanh về việc Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Neàng Sóc C (do bà Neàng Đ thực hiện) với Công ty TNHH MTV W từ tháng 03/2015 đến tháng 07/2015. Hủy sổ bảo hiểm xã hội số 8015005499 và xử lý hậu quả của việc vô hiệu hợp đồng lao động theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Neàng Sóc C, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động, điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty TNHH MTV W có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà N Sóc Chanh người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH MTV W là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bà Neàng Đ và BHXH tỉnh L1 được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: Bà N Sóc Chanh khởi kiện Công ty TNHH MTV W cho rằng quyền lợi bị xâm phạm với lí do hợp đồng vô hiệu, do vi phạm điều cấm của luật (Điều 123 Bộ luật Dân sự 2015). Căn cứ khoản 3 Điều 132 Bộ luật Dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện không bị hạn chế nên bà N Sóc Chanh có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng : Chứng cứ bà Neàng Sóc C có nộp sổ BHXH số 8015002750; Bản ghi quá trình tham gia BHXH, BHTN đối với BHXH số 8015002750 mang tên bà Neàng Sóc C.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật Lao động 2019 và Bộ luật Tố tụng Dân sự đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu. Các đương sự thừa nhận đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy bà N Sóc Chanh có cho bà N Đia mượn chứng minh thư mang tên Neàng Sóc C để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 03/2015 cho đến tháng 07/2015 tại Công ty TNHH MTV W theo sổ BHXH số 8015005499. Trong khi đó bà N Sóc Chanh cũng tham gia lao động tại Công ty cổ phần D từ tháng 03/2015 đến tháng 07/2015, bà C cũng tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo số sổ là 8015002750. Nay bà N Sóc Chanh không được hưởng tiền bảo hiểm của chính mình là sổ BHXH số 8015002750 nên có yêu cầu Tòa án vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Neàng Sóc C tại Công ty TNHH MTV W từ tháng 03/2015 đến tháng 07/2015 là có căn cứ. Bởi vì đối tượng lao động thực sự lao động trong giai đoạn này tại Công ty TNHH MTV W là bà Neàng Đ không phải là bà Neàng Sóc C.

Việc bà C cho bà Đ mượn giấy chứng minh nhân dân để đi làm tại Công ty TNHH MTV W là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 do đó việc hủy thời gian đóng BHXH từ tháng 03/2015 đến tháng 07/2015 do Công ty TNHH MTV W đóng cho bà N Đia trên sổ sổ bảo hiểm 8015005499 có căn cứ.

Bà Neàng Đ và Công ty TNHH MTV W không có tranh chấp gì trong vụ án này nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Công ty TNHH MTV W chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định, bà Neàng Sóc C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15, Điều 18, Điều 21 và Điều 49 Bộ luật Lao động, khoản 4 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Neàng Sóc C** về việc: “*Tranh chấp vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội*” với **Công ty TNHH MTV W**.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà **Neàng Đ** (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên bà **Neàng Sóc C**) với **Công ty TNHH MTV W** từ tháng 03/2015 đến tháng 07/2015.

1.2. Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8015005499 cấp cho bà **N** Sóc Chanh do **Công ty TNHH MTV W** nộp từ tháng 03/2015 đến tháng 07/2015 tại **Bảo hiểm xã hội tỉnh L** thành tên bà **Neàng Đ**.

Bà **Neàng Sóc C** được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà **N** Sóc Chanh với **Công ty cổ phần D** theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8015002750.

Bà **Neàng Đ** được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà **Neàng Đ** với **Công ty TNHH MTV W** theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8015005499.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc **Công ty TNHH MTV W** nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí L – Nguyễn Thị Rạt Trần Hồng S

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng S

